

Số: 2323/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về số lượng cấp phó tại các cơ quan,
đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

| | |
|------------------------|--|
| CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM | |
| CÔNG VĂN ĐẾN | |
| Số: 2323 | |
| Ngày: 04/8/17 | |
| Trình Lãnh đạo: | |
| Lưu bản chính: | |

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/BCSD ngày 28/7/2017 của Ban Cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định số lượng cấp phó tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

2. Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Nguyên tắc xác định số lượng cấp phó tại đơn vị

1. Số lượng cấp phó tại các cơ quan, đơn vị được xác định theo quy định của pháp luật, quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị đó và theo Quyết định này.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định về số lượng cấp phó khác với quy định về số lượng cấp phó tại Quyết định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Việc bố trí số lượng cấp phó trong một tổ chức phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và số lượng người làm việc được tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc được tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc của tổ chức đó.

3. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan tham mưu giúp việc Bộ trưởng và đơn vị trực thuộc Bộ: Thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ thực hiện chủ trương điều động, luân chuyển cán bộ về đảm nhiệm chức vụ cấp phó đơn vị thì nhân sự do điều động, luân chuyển vẫn được xác định trong số lượng cấp phó đơn vị đó theo Quyết định này.

Chương 2

SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 3. Số lượng cấp phó tại các tổ chức tham mưu giúp việc Bộ trưởng

Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra Bộ được xác định như sau:

1. Tổ chức có từ 07 người đến 10 người làm việc trong biên chế được bố trí 01 lãnh đạo cấp phó.
2. Tổ chức có từ 11 người đến 14 người làm việc trong biên chế được bố trí tối đa không quá 02 lãnh đạo cấp phó.
3. Tổ chức có từ 15 người làm việc trong biên chế trở lên được bố trí tối đa không quá 03 lãnh đạo cấp phó.

Điều 4. Số lượng cấp phó tại Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ

1. Số lượng cấp phó tại Tổng cục:

a) Số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Tổng cục: Tối đa không quá 03 người.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức tham mưu giúp việc cấp trưởng các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Tổng cục: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan tham mưu giúp việc Tổng cục trưởng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

c) Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức khác ngoài tổ chức quy định tại điểm a, điểm b khoản này: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

2. Số lượng cấp phó tại Cục trực thuộc Bộ:

a) Số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Cục: Tối đa không quá 03 người.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức tham mưu giúp việc cấp trưởng các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Cục: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan tham mưu giúp việc Cục trưởng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

c) Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức ngoài các tổ chức quy định tại điểm a, điểm b khoản này: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Số lượng cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ

1. Số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc đơn vị sự nghiệp: Tối đa không quá 03 người.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức tham mưu giúp việc cấp trưởng các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc đơn vị sự nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

2. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức khác ngoài các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

3. Đối với Trường đại học, Học viện:

a) Số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Trường, Học viện: Tối đa không quá 03 người.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức tham mưu giúp việc cấp trưởng các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Trường, Học viện: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

b) Số lượng cấp phó tại khoa, phòng chức năng trực thuộc Trường, Học viện: Tối đa không quá 02 người. Trường hợp cần tăng thêm số lượng cấp phó khoa,

phòng, Trường, Học viện thực hiện theo quy định tại Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học.

c) Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức khác ngoài các tổ chức quy định tại điểm b, điểm c khoản này: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

4. Đối với Trường cao đẳng:

a) Số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Trường: Tối đa không quá 03 người.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức tham mưu giúp việc cấp trường các tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Trường cao đẳng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

b) Số lượng cấp phó tại khoa, phòng chức năng trực thuộc Trường: Tối đa không quá 02 người. Trường hợp cần tăng thêm số lượng cấp phó khoa, phòng, Trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng.

c) Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức khác ngoài các tổ chức quy định tại điểm a, điểm b khoản này: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

Điều 6. Số lượng cấp phó của tổ chức khi tổ chức lại

Khi nhiều cơ quan hành chính hoặc đơn vị sự nghiệp sáp nhập thành một tổ chức mới thì số lượng cấp phó của tổ chức mới thực hiện theo Quyết định này.

Chương 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các cơ quan, đơn vị hiện có số lượng cấp phó nhiều hơn số lượng cấp phó quy định tại Quyết định này, thì có thể tiếp tục duy trì số lượng cấp phó hiện có để đảm bảo ổn định; khi có cấp phó nghỉ chế độ, chuyển công tác, cơ quan, đơn vị không được bổ sung cấp phó để bảo đảm đúng số lượng quy định và chỉ được bổ sung cấp phó khi số lượng cấp phó hiện có chưa đủ số lượng theo Quyết định này.

2. Đối với những trường hợp đã được bổ nhiệm chức vụ người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trước ngày Quyết định này có hiệu lực, nếu sau khi sắp xếp, kiện toàn lại cơ cấu số lượng cấp phó mà thôi chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ, thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức hoặc được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Bộ Giao thông vận tải trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

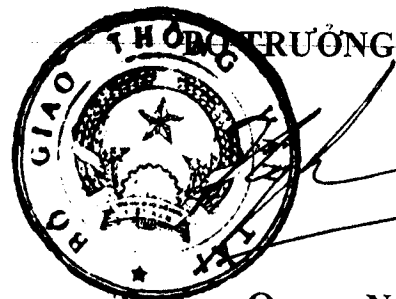
Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị mình, quy định cụ thể số lượng cấp phó tại các tổ chức trực thuộc, nhưng bảo đảm số lượng cấp phó không vượt quá số lượng quy định tại Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 9;
- Các Thành viên BCS;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Lưu: VT, TCCB (Hiển).



Trương Quang Nghĩa

